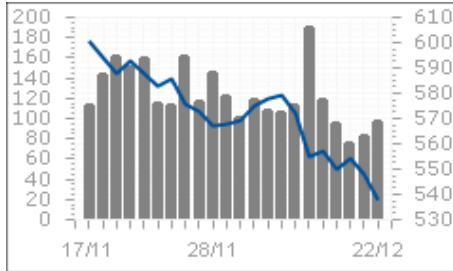


HOSE 22/12/2014

VNINDEX	537.54	14.45	2.76%
KLGD	98,812,658	CP	
GTGD	2,299.89	Tỷ	
GTR NDTNN	167.46	Tỷ	
CP Tăng giá	170	CP	
CP Giảm giá	56	CP	
CP Đứng giá	78	CP	



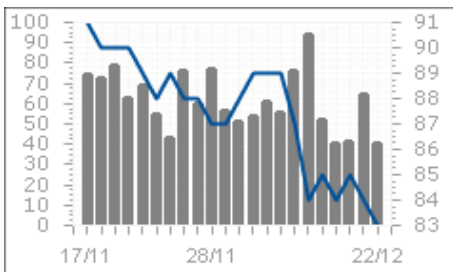
Tâm điểm

- ▶ **Đà tăng lan rộng, 2 sàn hồi phục tích cực**
- ▶ **Đà tăng lan rộng trong cả phiên, thanh khoản sụt giảm**
 NĐT Nước ngoài mua ròng mạnh trên HOSE
- ▶ **Hà Nội: Tăng trưởng tín dụng năm 2014 chỉ đạt 9,6%**
 Tổng dư nợ cho vay đến cuối tháng 12 đạt 1,0356 triệu tỷ đồng
 Gafin
- ▶ **Xăng dầu, gas giảm giá, CPI Hà Nội tháng 12 giảm 0,23% so với tháng trước**
 Tính bình quân cùng kỳ, CPI của Hà Nội tăng 4,55%
 Vietstock
- ▶ **Hàn Quốc hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2015**
 Mức tăng trưởng được hạ từ mức 4% trước đó xuống 3.8%
 Reuters
- ▶ **PPC lãi trước thuế 11 tháng gấp 3,5 lần cùng kỳ, tăng thời gian trích khấu hao**
 Lợi nhuận trước thuế bao gồm cả chênh lệch tỷ giá là 1.012,47 tỷ đồng
 DVO
- ▶ **ITQ 11 tháng đạt hơn 17 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp rưỡi kế hoạch năm**

HNX

HNX 22/12/2014

HNXINDEX	82.55	1.23	1.51%
KLGD	41,376,103	CP	
GTGD	557.79	Tỷ	
GTR NDTNN	5.38	Tỷ	
CP Tăng giá	145	CP	
CP Giảm giá	56	CP	
CP Đứng giá	178	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	587.56	16.95	2.97%
HNX30	159.31	1.78	1.13%

Thị trường / Ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Theo thị trường					
HOSE	946,597	12.8	2.5	17.9%	9.3%
HNX	135,605	13.1	1.7	8.7%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,082,202	13.2	2.5	17.7%	8.9%
Theo ngành					
Nhựa, cao su & sợi	6,644	6.4	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	21,294	9.2	1.5	17.1%	10.6%
Thép và sản phẩm thép	34,476	11.8	1.8	21.9%	10.5%
Khai khoáng	12,305	88.2	6.3	-4.3%	-3.5%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,731	13.6	1.4	13.8%	7.6%
Xây dựng	30,742	29.6	1.1	0.8%	2.3%
Máy công nghiệp	8,191	8.3	1.2	15.2%	10.3%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,340	8.2	1.5	18.6%	13.6%
Lốp xe	7,527	9.7	2.5	25.5%	11.1%
Nuôi trồng nông & hải sản	21,026	9.8	1.8	21.5%	7.6%
Thực phẩm	178,116	22.9	4.3	18.6%	14.4%
Dược phẩm	15,196	12.1	2.7	22.4%	14.8%
Phần mềm	15,994	9.6	2.0	21.7%	8.9%
Sản xuất & phân phối điện	28,266	9.8	1.4	15.6%	7.3%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	134,849	11.0	3.5	32.3%	21.8%
Bảo hiểm nhân thọ	20,890	16.6	1.7	10.4%	2.2%
Môi giới chứng khoán	25,350	10.8	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng	233,779	11.1	1.2	10.2%	0.8%
Bất động sản	154,371	15.2	2.4	17.6%	4.5%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,240	7.3	1.5	21.9%	9.3%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Trieu

Hai Ba Trung

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Hà Nội: Tăng trưởng tín dụng năm 2014 chỉ đạt 9,6%

Xăng dầu, gas giảm giá, CPI Hà Nội tháng 12 giảm 0,23% so với tháng trước

Hàn Quốc hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2015

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

PPC lãi trước thuế 11 tháng gấp 3,5 lần cùng kỳ, tăng thời gian trích khấu hao

ITQ 11 tháng đạt hơn 17 tỷ đồng lãi sau thuế, gấp rưỡi kế hoạch năm

FLC đầu tư ít nhất là 90 tỷ đồng vào Công ty Địa ốc Star Hà Nội

► Tin kinh tế

Theo báo cáo của Cục thống kê Thành phố Hà Nội, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn thành phố đến hết tháng 12 là 1,2039 triệu tỷ đồng, tăng 15,1% so với năm 2013. Trong đó, tiền gửi tiết kiệm tăng 9,5%, phát hành giấy tờ có giá tăng 45,1%. Tổng dư nợ cho vay đến cuối tháng 12 đạt 1,0356 triệu tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm trước. Trong đó dư nợ ngắn hạn tăng 4,2%, dư nợ trung và dài hạn tăng 21,5%. Như vậy, tăng trưởng tín dụng của các TCTD trên địa bàn thấp hơn nhiều so với tăng trưởng chung của toàn ngành và cũng không đạt mục tiêu đề ra là 12 – 14% của Ngân hàng Nhà nước.

Cục Thống kê thành phố Hà Nội vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Mười Hai. Theo đó, chỉ số này giảm 0,23% so với tháng trước và tăng 1,55% so với tháng 12/2013. Tính bình quân cùng kỳ, CPI của Hà Nội tăng 4,55%. Theo số liệu chi tiết, tháng 12/2014 có 8/11 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, duy nhất nhóm giáo dục giữ nguyên so tháng trước và có 2 nhóm hàng giảm là nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (giảm 1,38%) và nhóm giao thông (giảm 2,56%)... Trong đó, nhóm hàng có chỉ số tăng cao nhất là nhóm hàng bưu chính viễn thông (tăng 0,68%), tiếp đến là nhóm may mặc, mũ nón, giày dép (tăng 0,54%), hàng hóa và dịch vụ khác (tăng 0,51%), văn hóa giải trí và du lịch (tăng 0,42%)...

Ngày 22/12, Bộ Tài chính Hàn Quốc đã hạ mức dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2015 xuống 3,8% so với mức 4% đưa ra trước đó, do lòng tin của người tiêu dùng giảm và những yếu tố gây bất ổn kinh tế. Việc đồng yen của Nhật Bản trượt giá có thể làm giảm sức cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu của Hàn Quốc trong năm 2015. Trong nước, các khoản nợ của các hộ gia đình và sức cạnh tranh của các nhà sản xuất Hàn Quốc sẽ là những yếu tố tiêu cực đối với nền kinh tế. Dự báo tiêu dùng cá nhân và đầu tư sẽ tăng lần lượt 3% và 5,8% trong năm 2015. Thặng dư tài khoản vãng lai sẽ đạt 82 tỷ USD, kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu dự báo sẽ tăng lần lượt 3,7 và 3,2%.

► Tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (mã PPC) công bố Nghị quyết HĐQT ngày 19/12/2014. HĐQT ghi nhận báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh tính đến hết tháng 11/2014 với sản lượng điện sản xuất và bán cho EVN đều vượt kế hoạch cả năm lần lượt với tỷ lệ 3,32% và 5,62%. Doanh thu đạt 7.688,45 tỷ đồng, đạt 108,6% kế hoạch năm và lợi nhuận trước thuế bao gồm cả chênh lệch tỷ giá là 1.012,47 tỷ đồng, bằng 354% kế hoạch cả năm. Lợi nhuận này chưa bao gồm hoàn nhập khấu hao. HĐQT cũng thông qua việc cho EVNGENCO 2 vay vốn của PPC trong thời gian 1 năm, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng của 4 ngân hàng BIDV, VCB, Agribank, Vietinbank cộng 0.5%.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần I năm 2014 của Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang (mã ITQ) đã thông qua kết quả kinh doanh 11 tháng năm nay. Theo đó, doanh thu 11 tháng đạt 527 tỷ đồng, bằng 97% kế hoạch năm là 544 tỷ đồng và tăng 36% so với 11 tháng đầu năm 2013. Lợi nhuận sau thuế đạt 17,16 tỷ đồng, bằng 147% kế hoạch năm và gấp hơn 5 lần cùng kỳ. Công ty trả cổ tức 10%. Năm 2015, ITQ thông qua kế hoạch doanh thu 700 tỷ đồng, tăng 28,6% so với kế hoạch năm 2014. Lợi nhuận trước thuế 36 tỷ đồng, tăng 140% so với kế hoạch năm nay. Cổ đông cũng thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh là sản xuất sản phẩm từ plastic, thiết bị điện chiếu sáng, đồ điện dân dụng, thiết bị điện khác, vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành và vận tải hành khách đường bộ khác...

Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC vừa công bố đầu tư vào Công ty Cổ phần Địa ốc Star Hà Nội thông qua hình thức chuyển nhượng cổ phần. Theo đó, khối lượng cổ phần mà FLC nhận chuyển nhượng tại Star Hà Nội là không thấp hơn 75% vốn điều lệ của Star Hà Nội (120 tỷ đồng), tương đương mức đầu tư thấp nhất là 90 tỷ đồng. Thời gian nhận chuyển nhượng dự kiến trong tháng 12/2014. Trong năm 2014, FLC đã lần lượt thành lập các công ty con tại Khánh Hòa, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa.

HOSE 22/12/2014 VNINDEX 537.54 14.45 2.76% 98,812,658 CP 2,299.89 bil VND

Đà tăng lan rộng, 2 sàn hồi phục tích cực

VN-Index tăng 14.45 điểm (+2.76%), đóng cửa tại mức 537.54 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến dài, VN-Index tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.

- MACD gia tăng trở lại, tuy nhiên vẫn chưa cho tín hiệu mua, tuy nhiên đây vẫn là yếu tố rất tích cực.

- Stochastic Oscillator gia tăng mạnh.

- RSI (14) đi ra khỏi vùng quá bán và đạt mức 37.

- Các chỉ báo kỹ thuật đã tốt lên dần.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.3 (3.0%)	5,821,490
ITA	0.3 (3.9%)	4,538,590
SSI	0.5 (1.8%)	3,503,200
OGC	0.1 (1.3%)	3,496,960
PVT	0.4 (2.7%)	3,481,770

HOSE Top 5 theo % tăng

DCL	3.2 (7.0%)	86,210
STB	1.1 (6.9%)	274,960
BVH	2.1 (6.8%)	313,000
PXS	1.5 (6.8%)	1,064,130
PPC	1.7 (6.7%)	345,810

HOSE Top 5 theo % giảm

HTV	-1.4 (-7.0%)	10
TIC	-0.9 (-6.9%)	32,850
KAC	-0.8 (-6.8%)	40
BBC	-4 (-6.8%)	300
LGC	-2.2 (-6.8%)	8,440

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

MWG	40,3 tỷ	419,950
CNG	32,0 tỷ	1,000,000
VIC	29,6 tỷ	668,350
PVD	25,5 tỷ	397,500
GAS	20,6 tỷ	291,770

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

SSI	-6,6 tỷ	237,210
HVG	-4,1 tỷ	152,970
KBC	-3,7 tỷ	240,060
HAG	-3,7 tỷ	170,310
PAC	-2,3 tỷ	101,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	2,928,150	167.46

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tích cực ngay từ đầu phiên và liên tục gia tăng. Đà tăng nhanh chóng lan rộng, nhóm cổ phiếu đầu khí hồi phục mạnh tạo hiệu ứng lan tỏa.
- ▶ KLGD sụt giảm mạnh và đạt 70 triệu cổ phiếu. Việc thanh khoản sụt giảm mạnh và duy trì ở mức thấp cho thấy giới đầu tư đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng rất mạnh với giá trị 167 tỷ. Việc khối ngoại quay trở lại mua ròng là yếu tố rất tích cực.
- ▶ Lực cầu bất đáy gia tăng, cùng với lực hồi kỹ thuật giúp VN-Index hồi phục. Nhiều khả năng VN-Index sẽ tìm điểm cân bằng ở vùng 535 - 555 điểm.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc tăng tỷ trọng cổ phiếu chỉ nên diễn ra khi thanh khoản gia tăng dần và chỉ số hồi phục.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	72.0	136,440.00	11.2	3.6	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	93.5	93,511.09	16.2	5.2	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	29.8	79,417.61	16.4	1.7	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.0	68,364.09	17.6	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	80.0	58,864.65	- 448.3	4.0	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	14.1	52,500.00	9.5	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	13.1	36,826.75	8.2	1.1	13.6%	0.8%
HPG	481.9	51.5	24,818.27	7.4	2.0	30.2%	14.7%
BVH	680.5	32.8	22,319.46	16.6	1.7	10.4%	2.2%
PVD	303.0	65.0	19,697.40	7.7	1.7	22.6%	10.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	73.5	10.2	749.70	11.8	0.8	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.7	838.32	23.3	0.9	NA	TH.DOI
CII	115.5	19.4	2,241.22	6.9	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	71.5	3,251.71	8.9	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.0	668.25	5.3	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.7	571.53	1.8	0.9	NA	TH.DOI

HNX 22/12/2014 HNX-Index 82.55 1.23 1.51% 41,376,103 CP 557.79 bil. VND

Đà tăng lan rộng, 2 sàn hồi phục tích cực

Chỉ số HNX-Index tăng 1.23 điểm (+1.51%), đóng cửa tại mốc 82.55 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh thân nền dài, HNX-Index tăng điểm tích cực và đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng mạnh, đây là dấu hiệu rất tích cực.
- MACD gia tăng trở lại khá tích cực nhưng vẫn chưa cho tín hiệu mua trở lại.
- HNX-Index đang hồi phục khá tốt, hầu hết các chỉ báo kỹ thuật đang cho tín hiệu rất tích cực.



HNX Top 5

theo KLGĐ

KLF	0.1 (0.9%)	8,440,820
PVX	0.1 (2.0%)	3,667,560
PVS	1.9 (7.5%)	3,293,910
PVC	1 (4.0%)	1,911,110
FIT	1.3 (6.0%)	1,812,480

HNX Top 5

theo % tăng

CTB	4.5 (14.8%)	-
WCS	13.6 (9.9%)	300
SCJ	0.9 (9.7%)	64,800
MAC	1 (9.5%)	33,600
PVE	1 (9.5%)	264,200

HNX Top 5

theo % giảm

TMC	-1.1 (-9.8%)	100
CJC	-2.5 (-9.7%)	200
TKC	-1.1 (-9.6%)	106,220
PMS	-0.8 (-8.6%)	290
HLY	-0.8 (-7.4%)	1,100

HNX Top 5

Mua ròng NDTNN

PVS	8,4 tỷ	317,300
SHB	1,4 tỷ	172,000
BCC	0,8 tỷ	52,000
HMH	0,1 tỷ	5,500
VND	0,1 tỷ	10,000

HNX Top 5

Bán ròng NDTNN

VCG	-2,0 tỷ	160,000
IVS	-1,8 tỷ	151,900
SDT	-1,0 tỷ	62,900
AAA	-0,5 tỷ	38,000
LAS	-0,5 tỷ	15,000

GD NDTNN

KL Ròng

GT Ròng (tỷ)

HNX	161,262	5.38
-----	---------	------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường tích cực ngay từ đầu phiên và liên tục gia tăng. Đà tăng nhanh chóng lan rộng, nhóm cổ phiếu đầu khí hồi phục mạnh tạo hiệu ứng lan tỏa.
- ▶ KLGĐ sụt giảm mạnh và đạt 40 triệu cổ phiếu. Việc thanh khoản sụt giảm mạnh và duy trì ở mức thấp cho thấy giới đầu tư đang khá thận trọng.
- ▶ Khối ngoại mua ròng với giá trị 5 tỷ. Việc khối ngoại quay trở lại mua ròng là yếu tố rất tích cực.
- ▶ Lực cầu bắt đáy gia tăng, cùng với lực hồi kỹ thuật giúp HNX-Index hồi phục. Nhiều khả năng HNX-Index sẽ tìm điểm cân bằng ở vùng 82 - 85 điểm.
- ▶ NĐT giữ trạng thái cổ phiếu và tiền mặt ở mức 50 - 50, việc tăng tỷ trọng cổ phiếu chỉ nên diễn ra khi thanh khoản gia tăng dần và chỉ số hồi phục.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.3	13,919.64	25.9	1.1	4.4%	0.3%
PVS	446.7	27.4	12,239.59	6.9	1.3	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.2	7,265.88	8.7	0.7	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.3	5,433.04	8.2	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	25.1	5,020.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.0	3,827.69	12.2	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	22.5	2,949.21	9.0	1.1	12.8%	5.4%
NTP	56.3	50.2	2,828.23	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	33.8	2,630.72	7.2	2.0	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.5	1,083.00	6.5	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	14.3	566.28	5.0	0.9	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.5	1,937.48	10.5	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.2	2,828.23	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	26.3	1,315.00	6.3	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	15.22%	80.0	- 448.29	3.98	512,385	316,453	220,201
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	12.53%	47.0	17.59	3.71	1,335,069	1,141,773	1,522,131
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	11.71%	65.0	7.71	1.67	1,653,212	1,341,400	767,541
HPG	HOSE	481.9	24,818.27	11.57%	51.5	7.37	2.03	549,812	521,293	546,623
HAG	HOSE	789.9	16,982.83	7.45%	21.5	8.94	1.16	3,482,807	3,206,336	3,751,699
KDC	HOSE	255.2	12,655.99	7.00%	49.6	19.78	1.81	1,315,450	1,141,967	954,127
STB	HOSE	1,142.5	19,422.70	5.69%	17.0	7.42	1.03	3,431,679	1,812,185	832,806
VCB	HOSE	2,665.0	79,417.61	5.16%	29.8	16.41	1.74	1,257,805	882,220	517,310
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.04%	30.6	9.43	1.23	1,009,969	960,405	625,361
KBC	HOSE	389.8	6,041.28	2.83%	15.5	14.24	1.15	2,614,647	2,670,345	4,603,906
ITA	HOSE	718.9	5,679.36	2.64%	7.9	44.75	0.69	6,605,092	6,349,270	6,340,785
HSG	HOSE	96.3	4,526.72	1.95%	47.0	10.64	1.83	185,583	146,506	310,678
BVH	HOSE	680.5	22,319.46	1.83%	32.8	16.62	1.74	358,326	275,210	235,819
HVG	HOSE	132.0	3,550.79	1.55%	26.9	11.51	1.39	1,399,786	1,123,525	1,557,335
FLC	HOSE	314.9	3,274.90	1.53%	10.4	5.93	0.84	12,259,547	14,968,592	14,758,712
PPC	HOSE	318.2	8,558.36	1.47%	26.9	11.01	1.49	1,031,591	637,026	407,080
DRC	HOSE	83.1	4,402.91	1.41%	53.0	12.00	2.89	262,415	183,852	123,354
PVT	HOSE	255.9	3,940.21	1.37%	15.4	12.99	1.26	3,119,426	2,767,891	2,299,201
CSM	HOSE	67.3	2,765.70	1.32%	41.1	7.68	2.10	50,488	61,571	119,199
VSH	HOSE	206.2	2,722.38	1.16%	13.2	17.89	0.97	785,576	560,040	497,650
OGC	HOSE	300.0	2,310.00	0.56%	7.7	13.23	0.70	5,745,750	5,528,561	5,888,877

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	8.53%	80.0	- 448.29	3.98	512,385	316,453	220,201
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	7.57%	47.0	17.59	3.71	1,335,069	1,141,773	1,522,131
VCB	HOSE	2,665.0	79,417.61	7.13%	29.8	16.41	1.74	1,257,805	882,220	517,310
STB	HOSE	1,142.5	19,422.70	6.62%	17.0	7.42	1.03	3,431,679	1,812,185	832,806
PVS	HNX	446.7	12,239.59	5.75%	27.4	6.86	1.31	4,493,690	3,547,423	2,799,651
BVH	HOSE	680.5	22,319.46	4.51%	32.8	16.62	1.74	358,326	275,210	235,819
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	4.25%	30.6	9.43	1.23	1,009,969	960,405	625,361
HAG	HOSE	789.9	16,982.83	4.04%	21.5	8.94	1.16	3,482,807	3,206,336	3,751,699
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	3.90%	65.0	7.71	1.67	1,653,212	1,341,400	767,541
PPC	HOSE	318.2	8,558.36	3.14%	26.9	11.01	1.49	1,031,591	637,026	407,080
ITA	HOSE	718.9	5,679.36	3.29%	7.9	44.75	0.69	6,605,092	6,349,270	6,340,785
FLC	HOSE	314.9	3,274.90	2.85%	10.4	5.93	0.84	12,259,547	14,968,592	14,758,712
SHB	HNX	886.1	7,265.88	2.54%	8.2	8.65	0.68	4,549,832	3,838,981	3,966,186
VCG	HNX	441.7	5,433.04	2.12%	12.3	8.22	0.96	1,733,754	1,806,376	1,540,978
PVT	HOSE	255.9	3,940.21	1.78%	15.4	12.99	1.26	3,119,426	2,767,891	2,299,201
OGC	HOSE	300.0	2,310.00	143.00%	7.7	13.23	0.70	5,745,750	5,528,561	5,888,877
DRC	HOSE	83.1	4,402.91	1.00%	53.0	12.00	2.89	262,415	183,852	123,354
IJC	HOSE	274.2	3,783.88	0.65%	13.8	22.82	1.34	713,129	737,156	692,729
PVX	HNX	400.0	2,040.00	0.00%	5.1	- 2.18	2.17	4,891,277	4,672,288	6,304,122

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	0.00%	47.0	17.59	3.71	1,335,069	1,141,773	1,522,131
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	0.00%	80.0	- 448.29	3.98	512,385	316,453	220,201
DPM	HOSE	379.9	11,625.99	0.00%	30.6	9.43	1.23	1,009,969	960,405	625,361
HAG	HOSE	789.9	16,982.83	0.00%	21.5	8.94	1.16	3,482,807	3,206,336	3,751,699
VCB	HOSE	2,665.0	79,417.61	0.00%	29.8	16.41	1.74	1,257,805	882,220	517,310
STB	HOSE	1,142.5	19,422.70	0.00%	17.0	7.42	1.03	3,431,679	1,812,185	832,806
BVH	HOSE	680.5	22,319.46	0.00%	32.8	16.62	1.74	358,326	275,210	235,819
CTG	HOSE	3,723.4	52,500.00	0.00%	14.1	9.53	0.95	223,615	246,006	260,187
GAS	HOSE	1,895.0	136,440.00	0.00%	72.0	11.17	3.64	919,764	760,092	518,549

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	58,864.65	4.01%	80.0	- 448.29	3.98	512,385	316,453	220,201
VIC	HOSE	1,454.6	68,364.09	2.27%	47.0	17.59	3.71	1,335,069	1,141,773	1,522,131
PVD	HOSE	303.0	19,697.40	4.39%	65.0	7.71	1.67	1,653,212	1,341,400	767,541
STB	HOSE	1,142.5	19,422.70	0.89%	17.0	7.42	1.03	3,431,679	1,812,185	832,806
VCB	HOSE	2,665.0	79,417.61	1.28%	29.8	16.41	1.74	1,257,805	882,220	517,310
BVH	HOSE	680.5	22,319.46	1.79%	32.8	16.62	1.74	358,326	275,210	235,819

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,644	6.4	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	21,294	9.2	1.5	17.1%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	2,627	13.9	0.9	5.6%	2.3%
Sản xuất giấy	875	6.3	1.0	14.4%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	34,476	11.8	1.8	21.9%	10.5%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,955	3.6	1.0	22.0%	5.3%
Khai khoáng	12,305	88.2	6.3	-4.3%	-3.5%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	24,731	13.6	1.4	13.8%	7.6%
Xây dựng	30,742	29.6	1.1	0.8%	2.3%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,166	9.4	1.1	15.8%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	970	6.4	1.0	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,596	7.9	1.5	18.6%	6.6%
Thiết bị điện	2,136	32.9	1.4	3.2%	0.8%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	66	21.7	0.9	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,191	8.3	1.2	15.2%	10.3%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,589	2.9	1.0	4.9%	1.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,340	8.2	1.5	18.6%	13.6%
Dịch vụ vận tải	6,662	5.7	1.5	23.1%	13.3%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,412	17.2	1.7	8.6%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	260	13.5	0.8	6.5%	2.4%
Nhà cung cấp thiết bị	192	8.8	0.9	12.6%	5.0%
Chất thải & Môi trường	205	3.1	1.0	33.9%	15.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,215	13.2	1.3	14.8%	7.3%
Lốp xe	7,527	9.7	2.5	25.5%	11.1%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,802	8.0	1.4	18.0%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	320	16.1	2.2	14.8%	9.9%
Đồ uống & giải khát	233	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	21,026	9.8	1.8	21.5%	7.6%
Thực phẩm	178,116	22.9	4.3	18.6%	14.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,683	7.3	1.2	18.6%	8.9%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	546	65.8	1.4	2.5%	1.8%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,596	8.2	1.6	19.1%	7.5%
Giày dép	12	1.7	0.7	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,489	10.9	2.0	18.5%	9.5%
Thuốc lá					
Thuốc lá	667	9.6	1.0	3.9%	5.1%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,834	9.0	1.0	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	167	3.5	1.8	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	212	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,196	12.1	2.7	22.4%	14.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	264	42.0	0.9	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	751	10.5	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,719	9.4	1.7	19.1%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,139	9.3	1.0	10.0%	6.6%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,662	55.5	2.5	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,717	20.6	1.4	9.8%	8.1%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,627	17.7	3.4	23.5%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	745	11.1	0.9	9.1%	3.4%
Internet	355	74.9	0.9	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,994	9.6	2.0	21.7%	8.9%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	474	16.2	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	295	5.6	1.1	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	13,224	35.2	7.0	34.2%	11.5%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	28,266	9.8	1.4	15.6%	7.3%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	134,849	11.0	3.5	32.3%	21.8%
Nước	1,270	6.8	1.1	17.0%	11.8%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,497	8.9	1.0	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,562	11.2	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	2,884	9.0	1.1	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	20,890	16.6	1.7	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,575	9.1	1.2	14.6%	9.4%
Môi giới chứng khoán	25,350	10.8	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	233,779	11.1	1.2	10.2%	0.8%
Bất động sản					
Bất động sản	154,371	15.2	2.4	17.6%	4.5%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	9	2.3	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	32,240	7.3	1.5	21.9%	9.3%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.